

Bản án số: 156/2017/DS-PT
Ngày: 25-7-2017
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Dũng

Ông Lưu Văn Uẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh T, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: Khu vực 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1969;

Địa chỉ thường trú: Khu vực 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị C, sinh năm 1938;

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Trung N, sinh năm 1950;

Địa chỉ cư trú: Khu vực 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1988;

5. Cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 2006;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Tín: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Khu vực 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ánh T - nguyên đơn.

Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà T, ông L, bà C và bà Võ Thị C có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn L là hai chị em ruột. Cha của ông, bà là ông Nguyễn Tấn L1 mất sớm nên bà T và ông L được ông nội là ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông nội chết có để lại phần đất diện tích 287m², loại đất thổ, thuộc thửa 44, tờ bản đồ 8-3-1 và phần đất ruộng khoảng 4.000m² trong đó có thửa 225, tờ bản đồ 8-1 tọa lạc thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Do bà T hay bị bệnh nên trước khi ông nội chết đã để lại di chúc lập ngày 05 tháng 6 năm 1985 có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ với nội dung: giao tài sản cho ông L quản lý với điều kiện ông L phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc bà T và cho bà T ở trên phần đất cùng căn nhà do ông nội để lại cho ông L. Nhưng hiện nay, ông L không thực hiện theo di chúc của ông nội mà la mắng, xua đuổi bà T. Trên phần đất này có 01 căn nhà cấp 4 hiện nay do bà và con gái tên Nguyễn Thị C đang sinh sống. Ngoài các tài sản trên, ông T không để lại tài sản nào khác.

Nay bà T làm đơn khởi kiện buộc ông Nguyễn Tấn L phải chia cho bà diện tích đất 100m², thửa số 44, tờ bản đồ số 8-3-1 và phần đất ruộng có diện tích 500m² thuộc một phần thửa 225, tờ bản đồ 8-1 tại thị trấn Đ để bà có nơi sinh sống và có đất canh tác tạo thu nhập.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Ông và bà T là hai chị em ruột. Ông là người được thừa hưởng phần di sản do ông nội là ông Nguyễn Văn T để lại gồm: phần đất có diện tích 287m², loại đất thổ (ODT), thuộc thửa 44, tờ bản đồ 8-3-1 và phần đất ruộng khoảng 4.000m² trong đó có thửa 225, tờ bản đồ 8-1 tọa lạc thị trấn Đ. Theo tờ di chúc ông nội để lại, do bà T hay bị bệnh tật, ốm đau thường xuyên nên ông phải có trách nhiệm chăm sóc bà T và phải cho bà T ở trong ngôi nhà thờ trên phần đất thổ, không được xua đuổi bà T ra khỏi nhà.

Sau khi ông nội mất, ông và bà T sống chung trong căn nhà thờ, đến năm 2000 thì ông lên Sài Gòn sống và bà T vẫn sinh sống trong căn nhà thờ này. Ông vẫn chăm sóc và lo tiền thuốc cho bà T, ông đã làm tròn nghĩa vụ theo di chúc mà ông nội để lại, không có việc ông xua đuổi bà T như bà T trình bày. Năm 2008, ông có tặng cho bà T phần diện tích đất 200m², tờ bản đồ số 8-1, thuộc thửa 225 và bà T đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn L là vợ chồng, bà thống nhất theo lời trình bày của ông L, do điều kiện ở xa đi lại khó khăn, nên bà đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt trong các lần hòa giải và xét xử, bà cam kết không khiếu nại về sau.

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà là con ruột của bà T, hiện nay bà cùng bà T sống chung trong căn nhà tại số XXX, Khu vực 5, thị trấn Đ, huyện Đ thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 8-3-1, tại thị trấn Đ. Trong thời gian bà chung sống cùng bà T, bà không thấy ông L xua đuổi hay la mắng gì bà T. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà Võ Thị C trình bày: Bà là cô ruột của bà T và ông L. Bà không nhớ cha mẹ bà chết năm nào. Lúc sinh thời, cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị L có 07 người con gồm ông Nguyễn Văn T (chết lúc nhỏ), bà Nguyễn Thị H (chết năm 2005), bà Nguyễn Thị C (chết năm 2011), bà Nguyễn Thị Quốc H (chết năm 2008), ông Nguyễn Tấn L1 (chết năm 1973), bà Nguyễn Thị A (chết năm 2015) và bà Võ Thị C. Khi cha bà là ông Nguyễn Văn T qua đời có để lại di chúc cho Nguyễn Tấn L quản lý tài sản và có nghĩa vụ thờ phụng ông bà, không được bán và phải chăm sóc nuôi dưỡng bà Nguyễn Ánh T. Trong thời gian ông L quản lý tài sản và chăm sóc bà T, ông L thực hiện đúng theo ý nguyện của người để lại di chúc, không xua đuổi hay đánh đập bà T. Nay bà T yêu cầu ông L chia tài sản thừa kế của ông T để lại, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Ông Lê Trung N trình bày: Ông là con rể của ông T và bà Liêu, là chồng của bà Nguyễn Thị Quốc H, bà H chết năm 2008. Ông không nhớ cha mẹ vợ ông chết năm nào. Khi cha vợ là ông Nguyễn Văn T qua đời có để lại di chúc cho Nguyễn Tấn L quản lý tài sản và có nghĩa vụ thờ phụng ông bà, không được bán và phải chăm sóc nuôi dưỡng bà T. Nay bà T yêu cầu ông L chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T để lại, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Ngày 16 tháng 7 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Ngày 05 tháng 6 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 37/2015/QĐST-DS với nhận định thời hiệu khởi kiện đã hết.

Ngày 08 tháng 6 năm 2015, bà Nguyễn Ánh T kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên.

Tại Quyết định số 05/2015/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đã chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T; hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 37/2015/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 31 tháng 8 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án.

Tranh chấp đã được Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã: Áp dụng Điều 35, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; Điều 470, 646, 652, 670, 733 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh T về việc tranh chấp “Thừa kế quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Tấn L do ông Nguyễn Văn T để lại.

Về chi phí đo đạc, định giá và bản vẽ: Bà T phải chịu 3.110.000 đồng (đã chi phí xong).

Án phí: Bà T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 545.000 đồng theo biên lai thu số 0000389 ngày 14 tháng 7 năm 2014, hoàn lại cho bà T 345.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngày 11 tháng 5 năm 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có Quyết định kháng nghị số 153/QĐKN-VKS ngày 11/5/2017 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm; theo đó, nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định rút kháng nghị số 225/QĐ-VKS rút lại Quyết định kháng nghị số 153/QĐKN-VKS ngày 11/5/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T trình bày: Diện tích đất 287m², loại đất thô, thuộc thửa 44, tờ bản đồ 8-3-1 và phần đất ruộng khoảng 2.800m², thuộc thửa 225, tờ bản đồ số 8-1, tọa lạc thị trấn Đ là di sản của ông nội bà T và ông L là ông Nguyễn Văn T để lại. Ông T di chúc lại cho ông L quản lý với điều kiện phải nuôi dưỡng, chăm sóc

bà nhưng ông L thường xuyên la mắng, xua đuổi bà nên bà yêu cầu chia cho bà 100m² đất thổ thuộc thửa 44 và 500m² đất ruộng thuộc thửa 225 mà ông L đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà được độc lập, không phụ thuộc vào ông L nữa. Bà từ chối việc ông L cấp dưỡng cho bà số triệu 1,5 triệu đồng/tháng. Nhà của ông nội để lại hiện nay không còn, ông L đã làm nhà mới nên bà không yêu cầu chia nhà.

Bị đơn ông Nguyễn Tân L trình bày như sau: Ông hoàn toàn không có xua đuổi bà T, ông luôn thực hiện đúng theo di chúc của ông nội để lại, ông đồng ý cấp dưỡng cho bà T 1,5 triệu đồng/tháng, còn việc bà T bị đau bệnh thì ông sẽ có chi phí riêng.

Bà Võ Thị Y và bà Nguyễn Thị C trình bày: Ông L luôn thực hiện việc chăm sóc bà T đúng theo di chúc, hoàn toàn không có xua đuổi bà T như bà T trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với việc rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo của bà T thấy rằng: Ông L đã thực hiện đúng nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng bà Lành theo “Tờ di chúc gia đình” do ông Nguyễn Văn T lập ngày 05/6/1985. Các đương sự đều công nhận nội dung di chúc này là đúng. Bà T cho rằng ông L vi phạm điều kiện của di chúc là không chăm sóc, nuôi dưỡng và hay la mắng, xua đuổi bà nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh. Con gái của bà T là chị Nguyễn Thị C đang sống chung nhà với bà T cũng xác định ông L đã thực hiện đúng di chúc của ông T để lại. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Trong vụ án này, xét thấy không cần phải thu thập thêm chứng cứ gì, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trung N và bà Huỳnh Ngọc H vắng mặt đồng thời có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Tại Quyết định kháng nghị số 153/QĐKN-VKS ngày 11/5/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã kháng nghị về án phí dân sự sơ thẩm theo

hướng buộc bà T phải chịu đôi với toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tại Quyết định rút kháng nghị số 225/QĐ-VKS ngày 04/7/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã rút Quyết định kháng nghị nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối nội dung kháng nghị này theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về kháng cáo của bà Nguyễn Ánh T:

Bà T và ông L đều trình bày thống nhất: bà T và ông L là hai chị em ruột, ông Nguyễn Văn T (chết năm 1985) là ông nội của bà T và ông L; di sản của ông T để lại gồm: phần đất thổ (ODT) diện tích 287m², thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 8-3-1 và phần đất ruộng khoảng 4.000m² trong đó có thửa 225, tờ bản đồ số 8-1, tại thị trấn Đ. Ngày 05 tháng 6 năm 1985, ông T lập di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ với nội dung: ông L là người được thừa hưởng phần di sản do ông nội là Nguyễn Văn T để lại gồm: phần đất thổ (ODT) diện tích 287m², thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 8-3-1 và phần đất ruộng khoảng 4.000m² trong đó có thửa 225, tờ bản đồ số 8-1, tại thị trấn Đ. Do bà Nguyễn Ánh T hay bị bệnh tật, ốm đau thường xuyên nên ông L phải có trách nhiệm chăm sóc bà T và phải cho bà T ở trong ngôi nhà thờ trên phần đất thổ, không được xua đuổi bà T ra khỏi nhà. Ông L đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở vào năm 2003.

Bà T yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T để lại, cụ thể là 100m² đất thổ thuộc thửa 44 và 500m² đất ruộng thuộc thửa 225, với lý do ông L không thực hiện theo di chúc của ông T, la mắng, xua đuổi bà.

Thấy rằng, bà T và ông L đều thống nhất về di sản do ông T để lại, thống nhất nội dung di chúc của ông T, đây là di chúc có điều kiện. Bà T cho rằng ông L vi phạm điều kiện di chúc nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Bà Cúc (là con ruột của bà T), cùng sống chung với bà T trình bày: từ trước đến nay ông Nguyễn Tấn L đối xử rất tốt với bà T, không hề ngược đãi, đuổi xua như bà T trình bày; bà Võ Thị Y (là cô ruột của bà T và ông L) cũng xác định không có việc ông L đánh đập hay xua đuổi bà T, hiện nay ông L vẫn chăm sóc bà T đúng như ý chí của người để lại di sản thừa kế; Bà T cũng thừa nhận ông L có tách cho bà diện tích là 200m² đất vào ngày 03 tháng 11 năm 2008 và bà T đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, bà T đang quản lý, sử dụng căn nhà do ông L xây dựng lại (ngôi nhà của ông T để lại không còn). Mặt khác, tại “Tờ cam kết” ngày 01/10/2008 giữa bà T và ông L, có con bà T là Nguyễn Thị C ký tên chứng kiến, có nội dung đã thỏa thuận: “Em tôi Nguyễn Tấn L đã đồng ý cho tôi 200m² đất tọa lạc ở bản đồ số 8-1, thửa 225 và đã sang tên cho Nguyễn Ánh T với điều kiện trở về sau tôi không đòi hỏi với bất cứ tài sản và quyền lợi gì về em L (do ông bà để lại)”. Bà C còn trình bày: “ông L lo cho mẹ tôi, bệnh tật thì cũng lo cho mẹ tôi, cho mẹ tôi tiền, ông L không có xua đuổi bà T, chỉ là do mẹ tôi ở mà không chịu dọn dẹp nên ông L có la thôi. Khi mẹ tôi bệnh thì ông L chở đi thành phố khám bệnh và cho tiền chữa bệnh, ngoài ra ông L cũng lo cho tôi và cháu T”.

Do ông L không có vi phạm điều kiện của di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đồng thời bà T phải chịu chí phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ là có căn cứ.

[4] Về án phí:

Do bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nên phải xem xét cả phần án phí dân sự sơ thẩm. Thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu chia thừa kế của bà T nhưng buộc bà T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự là không đúng. Trong trường hợp này, bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Khi xét xử phúc thẩm, căn cứ vào Điều 47, điểm a, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T cũng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Về án phí phúc thẩm: Bà T không phải chịu do sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 289, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ kháng nghị về phần án phí dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Ánh T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 35, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d Khoản 1 Điều 688, Khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 470, 646, 652, 670, 733 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 47, điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh T về việc “tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Tấn L do ông Nguyễn Văn T để lại.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ánh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; hoàn lại bà T số tiền tạm ứng án phí 545.000 đồng theo biên lai thu số 0000389 ngày 14 tháng 7 năm 2014 và tiền tạm ứng áp phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000422 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về chi phí tố tụng (định giá, đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ): Bà Nguyễn Ánh T phải chịu 3.110.000 đồng (bà T đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu